

Số: 02 /2014/QĐ-UBND

Hung Yên, ngày 14 tháng 01 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí; số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP; số 25/2013/NĐ-CP ngày 29/3/2013 về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 63/TTLT-BTC-BTNMT ngày 15/5/2013 của Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 25/2013/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2013/NQ-HĐND ngày 05/12/2013 của HĐND tỉnh về việc quy định thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Xét đề nghị của Sở Tài Chính tại Tờ trình số 174/TTr-STC ngày 05/6/2013 về việc quy định thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hưng Yên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hưng Yên như sau:

I. Đối tượng nộp phí: Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước máy hoặc tự khai thác nước sạch để sử dụng ở đô thị từ loại II đến loại V.

II. Mức thu phí:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
1	Đối tượng sử dụng nước máy: Hộ gia đình, cá nhân; cơ quan, tổ chức; đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế - xã hội; trường học, bệnh viện; cơ sở sản xuất; công trình XD/CB, các đối tượng sản xuất khác; nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ, điểm du lịch,...	Tỷ lệ % trên giá bán 1m ³ nước máy sử dụng chưa có thuế GTGT trên địa bàn	5%
2	Đối tượng sử dụng nước tự khai thác:		
a	- Hộ gia đình, cá nhân ở đô thị từ loại II đến loại V (bình quân 2m ³ /người/tháng);	Tỷ lệ % trên giá bán 1m ³ nước máy sử dụng	5%

	- Cơ quan hành chính nhà nước; đơn vị sự nghiệp; đơn vị vũ trang, trụ sở điều hành, chi nhánh, văn phòng của các tổ chức, cá nhân (bình quân 1m ³ /người/tháng); - Bệnh viện; phòng khám chữa bệnh (bình quân 3m ³ /người/tháng).	dụng chưa có thuế GTGT trên địa bàn	
b	Khách sạn	đồng/tháng	500.000
c	Nhà hàng, nhà nghỉ; cơ sở sản xuất, kinh doanh, rửa ô tô, dịch vụ khác...	đồng/tháng	300.000
d	Cơ sở rửa xe máy	đồng/tháng	150.000

III. Đơn vị thu phí và tỷ lệ trích lại cho đơn vị thu:

1. Đối với nước máy: Đơn vị cung cấp nước máy có trách nhiệm thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt quy định tại mục 1 cùng với việc thu tiền sử dụng nước máy hàng tháng của hộ gia đình, cá nhân, các cơ quan, đơn vị, tổ chức... và được trích 10% trên tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho việc thu phí.

2. Đối với nước tự khai thác: UBND xã, phường, thị trấn trực tiếp thu và được trích lại 15% trên tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho việc thu phí.

IV. Nộp ngân sách nhà nước: Tổng số tiền thu được sau khi đã trừ tỷ lệ % trích lại cho các đơn vị thu theo quy định, số phí còn lại các đơn vị nộp vào ngân sách nhà nước.

V. Thời gian thực hiện thu phí: Từ ngày 01/01/2014.

Điều 2. - Giao Sở Tài chính căn cứ quy định hiện hành của nhà nước hướng dẫn các đơn vị thực hiện;

- Giao Cục Thuế tỉnh căn cứ quy định hiện hành của nhà nước cấp phát biên lai thu phí.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Kho bạc nhà nước tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT; CV; TH^T.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Doãn Thế Cường
Doãn Thế Cường